



## GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN VIMUTTI MAGGA

*Thiền Nhứt chuyển dịch sang tiếng Việt*



### Quyển Mười

#### Phẩm 10: Phân biệt về Huệ

**Hỏi: Thế nào là Huệ?** Thế nào là tướng, vị, khởi, xứ, công đức và nghĩa của Huệ? Có bao nhiêu công đức mới đắc được Bát-nhã? Có mấy loại Bát-nhã?

**Đáp:** Tâm ý nhìn sự vật đúng như hiện thấy, đó gọi là Huệ, là *Bát-nhã*. Lại nữa, như trong A-tỳ-đàm (*Abhidhamma*, *Luận tạng*) có nói, khởi ý phân biệt sự ích lợi với sự chẳng ích lợi, khởi lên ý trang nghiêm, đó gọi là Bát-nhã. (*Bát-nhã*, phiên âm chữ Phạn *Prajna*, chữ Pali *Panna*, dịch nghĩa là *Trí huệ*.)

**Thế nào là *Bát-nhã*?** Bát-nhã là trí huệ, lựa chọn pháp diệu tướng để quán sát; sự quán sát đó thông minh, suy nghĩ phân biệt thật rõ ràng, thấy được sự chuyển ngộ lớn dắt đến chánh trí (= trí hiểu biết chọn chánh và đúng đắn). Bát-nhã có sức mạnh (= *huệ lực*) như gậy gộc (= *huệ trượng*) như câu liêm (= *huệ câu*), phá tan được ngu si. Bát-nhã lại có nguồn gốc (= *huệ căn*), rực rỡ như ánh sáng, như ngọn đèn (= *huệ quang*, *huệ minh*, *huệ đăng*), lộng lẫy như cung điện (= *huệ điện*), quý báu như bảo vật (= *huệ bảo*), để *trạch pháp* (= chọn pháp) theo đúng *chánh kiến* (ý kiến chọn chánh và đúng đắn).

Đạt đến Sự thật (= Chọn nự) là *tướng* của Bát-nhã. Chọn lựa đúng là *vị* của Bát-nhã, tức là chức năng của Trí huệ. Chẳng hề ngu si, mê mờ là *khởi* của Bát-nhã, tức là sự phát khởi, sự bộc lộ, ra của Trí huệ. Bốn Chọn lý Nhiệm mầu (= *Tứ Diệu đế*) là *xứ* của Bát-nhã, tức là phạm vi hoạt động của Trí huệ. Lại nữa, *tướng* của Bát-nhã là hiểu thật rõ ràng, sáng tỏ. *Vị* hay chức năng của Bát-nhã là nhập vào Chánh pháp. Sự *phát khởi* của Bát-nhã, hay sự hiển lộ của Trí huệ là phá trừ được sự vô minh u ám. *Xứ* hay phạm vi hoạt động của Bát-nhã là bốn ngành của khoa biện luận.

Kể công đức của Bát-nhã, của Trí huệ, thì vô lượng công đức. Xin nghe bài kệ sau đây tóm lược lại các công đức:

*Do Huệ, giới thanh tịnh,  
Nhờ hai Huệ nhập Thiên.  
Do Huệ tu theo Đạo,  
Do Huệ thấy được Quả.  
Bát-nhã là thắng thiện,  
Huệ căn cao tuyệt đỉnh.  
Mắt Huệ thành ô ướ,  
Thêm Huệ thành cao thượng.  
Huệ phá luận ngoại đạo,*

*Cắt ràng buộc thế pháp.  
Người có Huệ, diệu khéo,  
Lời lành khéo hiển bày.  
Trong đời này, đời khác,  
Nghe giải thoát khổ, vui,  
Mọi nghiã cùng tinh tấn  
Đồng mãn, người có Huệ  
Ắt thấy mọi pháp đó,  
Lý Nhân duyên, Danh-Sắc,  
Lời dạy trong Giáo pháp.  
Ngôn ngữ trong Tứ Đế  
Là cảnh giới Trí Huệ.  
Nhờ Huệ trừ mọi ác  
Tham ái, sân, vô minh.  
Dùng Trí dứt sanh tử,  
Trừ được việc khó trừ.*

**Hỏi:** Nghĩa của Huệ là gì?

**Đáp:** Nghĩa của Trí huệ là khả năng đoạn trừ dứt sạch.

Có bao nhiêu công đức mới đắc được Huệ? Có tất cả mười một công đức: tâm cầu nghiã của kẻ kinh (= tu-đa-la), làm nhiều việc lành, cư trú nơi thanh tịnh, đình chỉ các loạn tưởng, quán tưởng về Bốn Chơn Lý Nhiệm mầu (Tứ Diệu đế), hiểu rành các học thuật, tâm an trú, thường tại Thiên, dứt trừ các triền cái, xa liã người vô trí, thân cận người có trí huệ.

C mấy loại Trí Huệ? Có hai loại, có ba loại và có bốn loại.

**Hỏi:** Thế nào là **hai loại Trí Huệ?**

**Đáp:** Đó là Trí Huệ ở thế gian, và Trí Huệ xuất thế gian. Huệ tương ứng với các đạo quả của bậc Thánh là *Huệ xuất thế*. Chỗ còn lại tức là *Huệ thế gian*.

Huệ thế gian còn nhiều lậu hoặc (= sai lầm, thiếu sót), còn nhiều ràng buộc (= *kết sử*, các dục vọng, các tình cảm có tánh cách ràng buộc), còn nhiều trói chặt; Huệ đó là ngập lụt, là ách đè cõ, là nắp che đậy, là xúc chạm mạnh, là phát khởi, là phiền não.

Huệ xuất thế thì chẳng còn lậu hoặc, chẳng bị kết sử, chẳng bị trói buộc, chẳng bị ngập lụt, chẳng bị ách đè cõ, chẳng bị nắp che đậy, chẳng bị xúc chạm mạnh, chẳng phát khởi, chẳng phiền não.

**Về ba loại Trí Huệ,** đó là *Tu huệ, Văn huệ, Tu huệ*. Chẳng nghe theo người khác, nếu do nghiệp của mình mà trí khởi lên phù hợp với chơn lý, với công dụng, đó gọi là *tu huệ*. Do nghe theo người khác mà được huệ, đó gọi là *văn huệ*. Nếu tu nhập vào Tam-muội (= chánh định), đắc huệ, đó là *tu huệ*.

Lại nữa, thuộc về ba loại Huệ, có *huệ đến, huệ đi, và huệ phương tiện*. Khi khởi ý lên hành động làm cho các việc chẳng lành phải lùi lại và các việc lành tăng thêm lên, đó là *huệ đến*, huệ đến làm lợi cho nghiệp lành của mình. Trái lại, nếu khởi ý lên hành động làm cho việc ác tăng lên mà việc thiện bị lui mất, đó là *huệ đi*, huệ đi mất, khiến cho nghiệp lành chẳng khởi. Còn *huệ phương tiện* là huệ biết dùng mọi phương tiện tốt để hành thiện.(= làm lành)

Lại nữa, thuộc về *ba loại Huệ*, có *huệ tụ, huệ chẳng tụ, và huệ vừa tụ vừa chẳng tụ*. (Tụ, ở đây có nghĩa là chất chứa, tích lũy lại) Huệ ở ba địa hạt của nghiệp thiện, đó là *huệ tụ*. Huệ ở bốn

đạo (từ Tu-đà-huờn đạo đến A-la-hán đạo), đó là *huệ chẳng tụ*. Huệ ở bốn đạo và bốn quả (hàng Thanh văn) và huệ ở ba địa hạt của nghiệp thiện, đó gọi là *huệ vừa tụ vừa chẳng tụ*.

Về **bốn loại Huệ**, có trí khởi tùy nghiệp, trí hợp với chơn lý, trí liên hệ đạo, trí liên hệ quả. Huệ khởi lên nơi mười lãnh vực của Chánh kiến, đó là *trí khởi tùy nghiệp*. Nếu thấy sự tập hợp của các âm (= uân), hoặc lễ vô thường, khổ, vô ngã, khởi lên sự kham nhẫn, đó là *trí hợp với chơn lý*. Huệ khởi lên nơi bốn đạo (của hàng Thanh văn), đó là *trí liên hệ đạo*. Huệ khởi lên nơi bốn quả vị (hàng Thanh văn), đó là *trí liên hệ quả*.

Lại nữa, thuộc về **bốn loại Huệ**, có *huệ dục giới*, *huệ sắc giới*, *huệ vô sắc giới*, và *huệ chẳng liên hệ*. Huệ khởi lên về các việc thiện được xác định ở cõi dục giới, đó là *huệ dục giới*. Huệ khởi lên về các việc thiện được xác định ở cõi sắc giới, đó là *huệ sắc giới*. Huệ khởi lên về các việc thiện được xác định ở cõi vô sắc giới, đó là *huệ vô sắc giới*. Huệ khởi lên nơi các đạo và các quả, đó là *huệ chẳng liên hệ*.

Lại nữa, thuộc về **bốn loại huệ**, có *pháp trí*, *tí trí*, *tha tâm trí* và *đẳng trí*. Huệ khởi lên nơi bốn đạo và nơi bốn quả, đó là *pháp trí*. Người toạ thiền tu pháp trí đó mà thành tựu được *trí* hiểu biết về quá khứ gần và xa, hiện tại và vị lai gần và xa, đó là *tí trí* (*tí* = so sánh). Biết được tâm ý của kẻ khác, đó là *tha tâm trí*. Ngoại trừ ba *trí* vừa kể, chỗ còn lại được gọi là *đẳng trí* (*đẳng* = đồng đều).

Lại nữa, thuộc về **bốn loại huệ**, có: (1) *huệ do tụ mà chẳng do chẳng tụ*, (2) *huệ do chẳng tụ và chẳng do tụ*, (3) *huệ vừa do tụ vừa do chẳng tụ*, (4) *huệ chẳng do tụ và chẳng do chẳng tụ*. Thiện huệ nơi dục giới thuộc loại thứ nhất: *huệ do tụ mà chẳng do chẳng tụ*. Thiện huệ nơi bốn đạo (hàng Thanh văn) thuộc loại thứ hai: *huệ do chẳng tụ và chẳng do tụ*. Thiện huệ nơi sắc giới và vô sắc giới thuộc loại thứ ba: *huệ vừa do tụ vừa do chẳng tụ*. Thiện huệ nơi bốn quả (hàng Thanh văn) và nơi ba địa hạt của nghiệp thiện được xác định, thuộc loại thứ tư: *huệ chẳng do tụ và chẳng do chẳng tụ*.

Lại nữa, thuộc về **bốn loại huệ**, có: (1) *huệ do nhằm chán mà chẳng do thông đạt*, (2) *huệ do thông đạt mà chẳng do nhằm chán*, (3) *huệ do nhằm chán và do thông đạt*, (4) *huệ chẳng do nhằm chán cũng chẳng do thông đạt*. Như thế, huệ do nhằm chán ham muốn nhưng chưa thông đạt được thân thông và Bốn Chơn Lý Nhiệm mầu là huệ thuộc loại (1): *huệ do nhằm chán mà chẳng do thông đạt*. Hiện đã nhằm chán ham muốn và đắc được thân thông, nhưng còn chưa thông đạt được Bốn Chơn Lý Nhiệm mầu, đó là huệ thuộc loại (2), là *Bát-nhã*. Huệ do sự thông đạt mà chẳng do nhằm chán nơi bốn đạo (hàng Thanh văn) thì thuộc loại (3): *huệ do nhằm chán và do thông đạt*. Các huệ còn lại, *chẳng do nhằm chán, chẳng do thông đạt*, thuộc loại thứ tư.

Lại nữa, thuộc về **bốn loại Huệ**, có: (1) *nghiã biện*, (2) *pháp biện*, (3) *từ biện*, (4) *lạc thuyết biện*. Trí hiểu biết rõ ràng về nghiã, là *nghiã biện* (= phân biện về nghiã). Trí thông hiểu rõ ràng về Chánh pháp, là *pháp biện*. Trí hiểu biết từ ngữ, ngữ nguyên, là *từ biện*. Trí hiểu biết về chính sự hiểu biết, là *lạc thuyết biện*. Trí thông hiểu về nhân quả, là *nghiã biện*. Trí thông hiểu về nhân duyên, là *pháp biện*. Trí phân biện Chánh pháp (*pháp biện*) vừa là *từ biện* vừa là *lạc thuyết biện*.

Lại nữa, trí thông đạt Khổ đế (= Chơn lý về Khổ) và Diệt đế (= Chơn lý về sự tận diệt Khổ), còn được gọi là *nghiã biện*. Trí thông đạt Tập đế (= Chơn lý về nguyên nhân của Khổ) và Đạo đế (= Chơn lý về con đường dứt Khổ), còn gọi là *pháp biện*. Trí nói pháp rành rẽ, rõ cả nghiã và lời, còn gọi là *từ biện*. Trí hiểu rõ các sự hiểu biết còn gọi là *lạc thuyết biện*.

Lại nữa, thông hiểu Chánh pháp là hiểu rõ mười hai loại bộ kinh:

- 1) khế kinh hay trường hàng (= *Tu-đà-la, Sutra*),
- 2) trùng tụng (= *Kỳ-da, Geya*),

- 3) thọ ký (= *Hoà-ca-la-na, Vyakarana*),
- 4) phúng tụng (= *Già-đà, Gathā*),
- 5) tụng thuyết (= *Ưu-đà-na, Udana*),
- 6) nhơn duyên (= *Ni-đà-na, Nidāna*),
- 7) thí dụ (= *A-ba-đà-na, Avadāna*),
- 8) bốn sự (= *Y-đế-mục-đà-già, Itivrtaka*),
- 9) bốn sanh (= *Xà-đà-già, Jātaka*),
- 10) phương quảng (= *Tỳ-phật-lược, Valpulya*)
- 11) vị tăng hữu (= *A-phù-đà-đạt-ma, Abhutaḍḍhama*)
- 12) luận nghị (= *Ưu-ba-đê-xá, Upadesa*).

Đó gọi là *pháp biện*. Hiểu rõ nghĩa các loại bộ kinh đó, thuyết giảng cho đầy đủ ý nghĩa, đó gọi là *nghĩa biện*. (...)

Lại nữa, thuộc về *bốn loại huệ*, có: (1) *Khổ trí*, (2) *Khổ tập trí*, (3) *Khổ diệt trí*, (4) *Đạo trí*. Sự thông hiểu về Khổ là *Khổ trí*. Sự thông hiểu về nguyên nhân của Khổ là *Khổ tập trí*. Sự thông hiểu về sự tận diệt Khổ là *Khổ diệt trí*. Sự thông hiểu các việc tu hành tương ứng với các trí đó, là trí đầy đủ (*cụ túc trí*), tức là *Đạo trí*.

### ***Phẩm 10: Phân biệt Huệ chấm dứt.***

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#)

Phần Chánh văn: [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08.1](#) | [08.2](#) | [08.3](#) | [08.4](#) | [08.5](#) | [09](#) | [10](#) | [11](#) | [12](#)  
Phần tìm hiểu: [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#) | [05](#) | [06](#) | [07](#) | [08.1](#) | [08.2](#) | [08.3](#) | [08.4](#) | [08.5](#) | [09](#) | [10](#) | [11](#) | [12](#) | [Tổng kết](#)

*Chân thành cảm ơn Cư sĩ Thiện Nhựt đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 01-2004)*

**[[Trở về trang Thư Mục](#)]**

*last updated: 16-01-2004*